

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lilama 69-2 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý I năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lilama 69-2

- Mã chứng khoán: L62

- Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225.3525195 Fax: 0225.3824562

- Email: [info@lilama69-2.com.vn](mailto:info@lilama69-2.com.vn) Website: <http://lilama69-2.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Bán niên năm 2023 đã được kiểm toán

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên được kiểm toán năm 2023):

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 04/03/2023 tại đường dẫn: <http://lilama69-2.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023. (Không phát sinh)

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp(%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

### Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vũ Kế Chương

Tài liệu đính kèm:

- BCTC...
- Văn bản giải trình...

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LILAMA 69-2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 – 31

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên
Ông Trương Đức Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/02/2023)
Bà Lê Thị Minh	Thành viên (từ nhiệm ngày 06/6/2023)

##### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27/02/2023)
Bà Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Phùng Phương Linh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thủy Trang	Thành viên

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. *thuc*

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Vũ Kế Chương**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Số: 182/2023/RSMHN-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2

### Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày từ trang 07 đến trang 31.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán. Ngoài ra, do các vấn đề mô tả tại "Cơ sở của từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận của kiểm toán viên.

**BÁO CÁO SOÁT KẾT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

***Cơ sở của từ chối đưa ra kết luận***

Tại Báo cáo kiểm toán cho năm 2022, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khả năng hoạt động liên tục, tình hình xác nhận công nợ và khoản chi phí tiền chậm nộp bảo hiểm xã hội. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục xác nhận số dư tại ngày 01/01/2023 của các khoản phải thu và các khoản phải trả với giá trị lần lượt là 212.646.628.249 VND và 145.912.685.370 VND.

Các vấn đề trên vẫn còn tồn tại trong năm 2023 và các vấn đề phát sinh:

- Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi phạt chậm nộp bảo hiểm với giá trị lũy kế đến 30/6/2023 khoảng 7,4 tỷ VND (trong đó: khoảng 6,9 tỷ VND phát sinh trước 01/01/2023 và khoảng 500 triệu VND phát sinh thêm trong 6 tháng đầu năm 2023);
- Tại ngày 30/6/2023, số dư của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán chưa được trích lập dự phòng, các công trình dở dang tồn đọng không xác định được giá trị cần trích lập dự phòng lần lượt là 87.596.619.631 VND và 92.306.875.573 VND;
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 30/6/2023 chưa được đối chiếu lần lượt là 195.253.872.853 VND và 164.722.586.764 VND. Ngoài ra, chúng tôi chưa được tiếp cận với các hồ sơ liên quan đến khoản "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với giá trị nghi nhận tại ngày 30/6/2023 là 5.332.657.108 VND.

Theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về tính hiện hữu, đầy đủ và hợp lý của các khoản mục này tại ngày 30/6/2023 cũng như những ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được sử dụng như số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 và các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

Tại ngày 30/6/2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đang lớn hơn tài sản ngắn hạn khoảng 50,8 tỷ VND và Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế từ khi bắt đầu thành lập đến ngày 30/6/2023 khoảng 79,4 tỷ VND. Ngoài ra, một số thỏa thuận tài chính đối với các Ngân hàng đều đã hết hạn và Công ty không thể tái đàm phán và đạt được các thỏa thuận thay thế. Thêm vào đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi Đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2 ra trước Tòa án Nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng chi tiết tại Thuyết minh số 4.15 "Vay và nợ thuê tài chính". Điều này dẫn đến hoài nghi về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai.

***Từ chối đưa ra kết luận***

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thực hiện được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận của kiểm toán viên. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 064/2023/BCKTTH-PB.00081 phát hành ngày 17/4/2023, Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản: "Phải trả ngắn hạn khác", "Chi phí khác" và "Lợi nhuận sau thuế" liên quan đến ghi nhận thiếu chi phí chậm nộp tiền bảo hiểm số tiền 6,9 tỷ VND; Chưa thu thập được TXN và các bằng chứng kiểm toán khác liên quan đến công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng), phải trả cho người bán ngắn hạn và các khoản trả trước cho người bán với giá trị tương ứng lần lượt khoảng 105 tỷ VND, 52 tỷ VND, 57 tỷ VND và 13 tỷ VND. Đồng thời kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty do Nợ ngắn hạn vượt Tài sản ngắn hạn khoảng 10,82 tỷ VND và Công ty không thể tái đàm phán hay có được các thỏa thuận thay thế cho các khoản nợ phải trả quá hạn với các ngân hàng.



**Hoàng Thị Vinh**

**Giám đốc kiểm toán**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2023-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>467.862.073.847</b>	<b>505.190.900.048</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>3.336.597.113</b>	<b>3.113.865.893</b>
1. Tiền	111		3.336.597.113	3.113.865.893
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>215.738.219.797</b>	<b>253.179.060.596</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	130.263.960.017	162.417.089.663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	26.134.011.154	26.734.844.219
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	78.749.223.768	78.171.668.814
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(19.408.975.142)	(14.144.542.100)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>248.754.062.981</b>	<b>248.583.179.760</b>
1. Hàng tồn kho	141		260.419.683.811	248.583.179.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.665.620.830)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.193.956</b>	<b>314.793.799</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	33.193.956	30.455.823
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	-	284.337.976
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>78.769.394.723</b>	<b>83.022.435.134</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.135.141.199</b>	<b>2.081.595.509</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.135.141.199	2.081.595.509
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.659.468.787</b>	<b>70.881.302.932</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	65.989.825.318	70.164.390.515
Nguyên giá	222		181.886.205.682	181.886.205.682
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.896.380.364)	(111.721.815.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227		669.643.469	716.912.417
Nguyên giá	228		1.881.110.846	1.881.110.846
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.211.467.377)	(1.164.198.429)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.332.657.108</b>	<b>5.332.657.108</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	5.332.657.108	5.332.657.108
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.642.127.629</b>	<b>4.726.879.585</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	4.642.127.629	4.726.879.585
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>546.631.468.570</b>	<b>588.213.335.182</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>519.783.361.942</b>	<b>516.702.338.966</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>518.689.076.993</b>	<b>515.608.054.017</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	86.868.952.780	109.390.510.687
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	49.077.210.640	59.510.133.356
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	25.856.990.997	27.421.976.438
4. Phải trả người lao động	314		3.401.064.534	1.879.890.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	4.871.043.759	5.043.358.588
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	81.792.567.806	57.913.722.749
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	265.047.512.159	252.477.766.629
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.773.734.318	1.970.694.818
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.094.284.949</b>	<b>1.094.284.949</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	1.094.284.949	1.094.284.949
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.848.106.628</b>	<b>71.510.996.216</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.16</b>	<b>26.848.106.628</b>	<b>71.510.996.216</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	19.854.216.596
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. (Lỗ) lũy kế	421		(79.358.128.104)	(34.695.238.516)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(34.695.238.516)	(135.554.510)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(44.662.889.588)	(34.559.684.006)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>546.631.468.570</b>	<b>588.213.335.182</b>



Vũ Kê Chương  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Vũ Thị Ngà  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	25.371.053.832	57.113.595.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25.371.053.832	57.113.595.971
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	31.547.705.474	39.222.884.043
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(6.176.651.642)	17.890.711.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		26.266.373	267.813.498
7. Chi phí tài chính	22	5.3	26.869.306.397	13.704.348.355
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.778.449.303	13.698.313.380
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.364.549.382	10.598.173.350
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(44.384.241.048)	(6.143.996.279)
11. Thu nhập khác	31		809.107.577	387.857.414
12. Chi phí khác	32		1.087.756.117	-
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40		(278.648.540)	387.857.414
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(44.662.889.588)	(5.756.138.865)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.4	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(44.662.889.588)	(5.756.138.865)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	(5.382)	(694)
19. (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.4	(5.382)	(694)



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 6 năm 2023

Vũ Thị Nga  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. (Lỗ) trước thuế</b>	01	5.4	(44.662.889.588)	(5.756.138.865)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.221.834.145	9.351.277.748
- Các khoản dự phòng	03		16.930.053.872	1.914.324.740
- Lỗ/(lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		82.398.294	(329.344)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(24.122.485)	(78.169.041)
- Chi phí lãi vay	06		26.778.449.303	13.698.313.380
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>3.325.723.541</b>	<b>19.129.278.618</b>
- Giảm các khoản phải thu	09		32.324.796.163	40.573.576.202
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(11.836.504.051)	(25.907.027.382)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11		(32.227.479.669)	8.277.909.827
- Giảm chi phí trả trước	12		82.013.823	212.064.530
- Tiền lãi vay đã trả	14		(130.731.688)	(12.396.352.782)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(196.960.500)	(14.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(8.659.142.381)</b>	<b>29.875.449.033</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	62.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.122.485	16.169.041
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>24.122.485</b>	<b>78.169.041</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.15	14.201.175.952	12.214.604.937
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.343.430.422)	(39.748.681.951)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.218.258.944)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>8.857.745.530</b>	<b>(28.752.335.958)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50		<b>222.725.634</b>	<b>1.201.282.116</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	3.113.865.893	815.923.392
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.586	329.344
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	3.336.597.113	2.017.534.852



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Vũ Thị Ngà  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LILAMA 69 - 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200155547 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/12/2004. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 09/7/2022.

Ngày 21/4/2008, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là L62 theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 112/QĐ - TTGDHN của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cấp ngày 26/3/2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 82.982.430.000 VND, chia thành 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 70 người (tại ngày 01/01/2023 là 77 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xây lắp.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tính đến ngày 30/6/2023, Công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập với hoạt động kinh doanh chính là Xây lắp, cụ thể: Chi nhánh Công ty CP Lilama 69 - 2 – Xi nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu, địa chỉ tại Số 236-238 đường 5 mới, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

##### **3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

##### **3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

##### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

##### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

##### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 Hàng tồn kho (tiếp)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh.

**3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải	02 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khắc cố liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

**3.9 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan các chi phí trích trước công trình và chi phí lãi vay nhưng thực tế chưa chi trả hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

**3.10 Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**3.11 Doanh thu, thu nhập khác**

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**3.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ là tổng chi phí phát sinh giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn.

**3.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.16 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.17 Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, công ty hoạt động (lỗ) nên không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN").

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của hoạt động xây lắp do Công ty cung cấp theo mức thuế suất 10%.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	894.797.186	1.090.482.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.441.799.927	2.023.383.863
<b>Cộng</b>	<b>3.336.597.113</b>	<b>3.113.865.893</b>

**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	15.346.515.055	15.955.570.463
Các đối tượng khác	114.917.444.962	146.461.519.200
<b>Cộng</b>	<b>130.263.960.017</b>	<b>162.417.089.663</b>

**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP Máy và Thiết bị Việt Hải	8.362.433.000	9.120.637.940
Công ty TNHH Ngọc Dân	3.796.084.011	3.796.084.011
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Phát triển An Sơn	3.800.000.000	3.800.000.000
Các đối tượng khác	10.375.494.143	10.218.122.268
<b>Cộng</b>	<b>26.134.011.154</b>	<b>26.734.844.219</b>

**4.4 Phải thu khác**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu người lao động (i)	65.184.518.038	62.497.512.660
Kỳ cược, kỳ quỹ	1.561.700.518	3.734.895.623
Phải thu khác	12.003.005.212	11.939.260.531
<b>Cộng</b>	<b>78.749.223.768</b>	<b>78.171.668.814</b>
<b>Dài hạn</b>		
Kỳ cược, kỳ quỹ	2.135.141.199	2.081.595.509
<b>Cộng</b>	<b>2.135.141.199</b>	<b>2.081.595.509</b>

(i) Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên để chi trả chi phí thi công các công trình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty CP Dệt may Xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	3.530.030.467
Công ty Xuất nhập khẩu Điện khí Thượng Hải Alstom Đại Loan (Linkou)	3.028.418.120	3.028.418.120
2.973.979.566	2.973.979.566	2.973.979.566
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Việt Vương	2.200.207.704	2.200.207.704
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 3	1.914.324.740	1.914.324.740
Các đối tượng khác	2.071.966.214	497.581.503
Dự phòng phải thu người lao động (*)	3.690.048.331	-
<b>Cộng</b>	<b>19.408.975.142</b>	<b>14.144.542.100</b>

(\*) Dự phòng các khoản phải thu nhân viên chi tiết tại Thuyết minh số 4.4 "Phải thu khác".

**4.6 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	33.193.956	30.455.823
<b>Cộng</b>	<b>33.193.956</b>	<b>30.455.823</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	10.173.274	26.549.817
Chi phí đền bù, GPMB và các chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất tại An Lão (i)	4.621.446.057	4.680.752.109
Chi phí cải tạo, sửa chữa	-	6.624.510
Các khoản khác	10.508.298	12.953.149
<b>Cộng</b>	<b>4.642.127.629</b>	<b>4.726.879.585</b>

(i) Đây là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chi phí khác của lô đất địa chỉ Xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng diện tích 54.759,4 m<sup>2</sup> với thời hạn sử dụng 50 năm.

**4.7 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Giá gốc</b>	<b>260.419.683.811</b>	<b>248.583.179.760</b>
Nguyên liệu, vật liệu	40.547.610.427	38.181.059.948
Công cụ, dụng cụ	619.708.075	860.514.584
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	219.252.365.309	209.741.605.228
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(11.665.620.830)</b>	<b>-</b>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	(11.665.620.830)	-
<b>Cộng</b>	<b>248.754.062.981</b>	<b>248.583.179.760</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thương Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.7 Hàng tồn kho (tiếp)**

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

**Các công trình tồn đọng từ các năm trước**

KCT Cung quy hoạch hội chợ triển lãm tỉnh Quảng Ninh  
 Thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp dựng hoàn thiện nhà xưởng -  
 CN Nam Thuận tại Hải Phòng  
 Mua sắm vật tư, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép kho than  
 CTTB DA NM điện BARH - Lisemco (Techmark)  
 Các công trình khác

**Các công trình đang thi công dở dang**

Sản xuất và lắp dựng KCT Khung, kéo xà gò nhà xưởng và phụ trợ  
 Mua sắm vật tư, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép kho than  
 Gia công, chế tạo, vận chuyển và cung cấp kết cấu thép công trình  
 cấp treo ở Bà Nà  
 Sửa chữa hệ thống vận chuyển xi măng công đoạn nghiền xi măng số 1 - Công  
 ty CP Xi măng Hà Tiên 1  
 Các công trình khác

	Tại ngày		Tại ngày	
	30/6/2023	Dự phòng	01/01/2023	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
	<b>103.972.496.403</b>	<b>11.665.620.830</b>	<b>103.972.496.403</b>	-
	16.900.060.151	-	16.900.060.151	-
	15.985.572.799	-	15.985.572.799	-
	16.025.701.083	-	14.336.820.794	-
	11.450.535.662	-	11.450.535.662	-
	43.610.626.708	11.665.620.830	45.299.506.997	-
	<b>115.279.868.906</b>	-	<b>105.769.108.825</b>	-
	30.875.717.850	-	30.797.621.558	-
	16.025.701.083	-	14.336.820.794	-
	13.065.932.731	-	13.041.089.864	-
	11.051.360.641	-	10.482.312.361	-
	44.261.156.591	-	37.111.264.249	-
	<b>219.252.365.309</b>	<b>11.665.620.830</b>	<b>209.741.605.228</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	90.797.357.024	58.270.101.859	32.282.361.760	536.385.039	181.886.205.682
Tại ngày 30/6/2023	90.797.357.024	58.270.101.859	32.282.361.760	536.385.039	181.886.205.682
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2023	41.807.686.084	38.507.046.506	30.949.597.069	467.485.508	111.721.815.167
Khấu hao	2.266.763.142	1.743.209.257	152.389.218	12.203.580	4.174.565.197
Tại ngày 30/6/2023	44.074.449.226	40.250.255.763	31.101.986.287	469.689.088	115.896.380.364
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2023	-	19.763.055.353	1.332.764.691	78.899.531	70.164.390.515
Tại ngày 30/6/2023	46.722.907.798	18.019.846.096	1.180.375.473	66.695.951	65.989.825.318

Tại ngày 30/6/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 55.756.562.990 VND (tại ngày 01/01/2023 là 55.077.095.946 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cảm có thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2023 là 40.791.184.027 VND (tại ngày 01/01/2023 là 43.478.080.598 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>5.332.657.108</b>	<b>5.332.657.108</b>
Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty	4.752.800.020	4.752.800.020
Công trình khác	579.857.088	579.857.088
<b>Cộng</b>	<b>5.332.657.108</b>	<b>5.332.657.108</b>

**4.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>86.868.952.780</b>	<b>109.390.510.687</b>
Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881
Các đối tượng khác	78.573.142.899	101.094.700.806
<b>Cộng</b>	<b>86.868.952.780</b>	<b>109.390.510.687</b>

**4.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Bên thứ ba trả tiền trước</b>	<b>49.077.210.640</b>	<b>59.510.133.356</b>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Thuận	14.000.000.000	14.000.000.000
Tổng Công ty CP Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	14.975.619.573
Công ty CP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	7.787.146.663	7.787.146.663
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	6.670.934.338	6.670.934.338
Các đối tượng khác	20.619.129.639	16.076.432.782
<b>Cộng</b>	<b>49.077.210.640</b>	<b>59.510.133.356</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.12 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2023		Trong kỳ		Tại ngày 30/6/2023	
	VND		VND		VND	
	Số dư	Phải nộp	Táng	Khấu trừ	Số dư	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	284.337.976	-	1.568.483.302	1.852.821.278	-	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	10.299.453.175	3.152.821.278	2.156.593.791	-	9.303.225.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	457.414.716	-	-	-	457.414.716
Thuế thu nhập cá nhân	-	156.328.684	-	-	-	156.328.684
Thuế nhà đất và tiền thuế đất (i)	-	3.346.335.424	1.769.048.654	1.203.490.700	-	2.780.777.470
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (ii)	-	13.162.444.439	3.200.000	-	-	13.159.244.439
<b>Cộng</b>	-	<b>27.421.976.438</b>	<b>4.928.069.932</b>	<b>3.363.084.491</b>	-	<b>25.856.990.997</b>

(i) Đây là tiền thuế đất của các thửa đất có địa chỉ tại Xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; tại địa chỉ số 26 Tân Viên và Quán Toan.

(ii) Số dư bao gồm các khoản phạt chậm nộp thuế theo giá trị Công ty đang tạm ghi nhận theo Quyết định số 2580/QĐ-CTHPH ngày 21/6/2023 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng. Công ty đang trình và soát lại các khoản chậm nộp này và có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trích trước chi phí công trình	3.534.976.593	3.707.230.625
Trích trước chi phí lãi vay	1.336.067.166	1.336.127.963
<b>Cộng</b>	<b>4.871.043.759</b>	<b>5.043.358.588</b>

**4.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/6/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>10.046.999.999</b>	<b>12.738.999.999</b>
Ông Vũ Kế Chương (i)	10.046.999.999	12.738.999.999
<b>Phải trả bên thứ ba</b>	<b>71.745.567.807</b>	<b>45.174.722.750</b>
Kinh phí công đoàn	3.353.528.394	3.353.528.394
Bảo hiểm xã hội	12.358.303.950	12.137.299.726
Bảo hiểm y tế	1.025.908.643	869.511.701
Bảo hiểm thất nghiệp	938.922.061	904.167.185
Lãi vay phải trả (ii)	44.317.887.251	17.670.169.636
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng	41.605.510.788	17.304.312.006
Các ngân hàng khác	2.712.376.465	365.857.630
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.751.017.508	10.240.046.108
<b>Cộng</b>	<b>81.792.567.806</b>	<b>57.913.722.749</b>

(i) Khoản mượn tiền của ông Vũ Kế Chương, kỳ hạn 12 tháng, không có lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Bao gồm lãi vay phải trả trong hạn và quá hạn cho các khoản vay chi tiết tại Thuyết minh số 4.15 "Vay và nợ thuê tài chính".

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2023 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>252.477.766.629</b>	<b>14.201.175.952</b>	<b>1.631.430.422</b>	<b>265.047.512.159</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>252.477.766.629</b>	<b>14.201.175.952</b>	<b>1.631.430.422</b>	<b>265.047.512.159</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng (i)	216.166.304.858	14.201.175.952	1.516.430.422	228.851.050.388
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	27.780.461.771	-	15.030.000	27.765.461.771
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (iii)	7.858.000.000	-	-	7.858.000.000
Các cá nhân khác	673.000.000	-	100.000.000	573.000.000
<b>Cộng</b>	<b>252.477.766.629</b>	<b>14.201.175.952</b>	<b>1.631.430.422</b>	<b>265.047.512.159</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.094.284.949</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.094.284.949</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>1.094.284.949</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.094.284.949</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng (iv)	1.084.284.949	-	-	1.084.284.949
<b>Cộng</b>	<b>1.094.284.949</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.094.284.949</b>

(i) Trong kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng đã bước Công ty nhận nợ 14.201.175.952 VND trong ngắn hạn để giải tỏa bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng khi hợp đồng không thực hiện được cho Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam theo hợp đồng số 089/2022/HĐGC/VCG-L62 ngày 08/02/2022.

(ii) Ngày 04/5/2023, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) đã gửi Đơn khởi kiện Công ty Cổ phần Lilama 69 - 2 ra trước Tòa án Nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nhằm yêu cầu Công ty hoàn trả lại nợ cho MB toàn bộ nợ gốc, lãi và phạt chậm trả tạm tính đến ngày 15/3/2023 và lại quá hạn phát sinh cho đến khi khi thanh toán xong khoản nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.15 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

Chi tiết các hợp đồng vay tại ngày 30/6/2023 bao gồm:

Số hợp đồng	Số hợp đồng hạn mức tín dụng số	Hạn mức tín dụng (1.000 VND)	Nợ gốc (1.000 VND)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Tình trạng nợ vay
(i)	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 520/2021/HĐHM-PN/SHB 11C400 ngày 28/12/2021	250.000.000	228.851.050	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh chế tạo kết cấu, lắp đặt thiết bị, chế tạo lắp máy, sản xuất và kinh doanh thiết bị lọc tinh điện	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp (bao gồm: 02 BĐS, 03 phương tiện vận tải, 02 lô máy móc thiết bị và 26 quyền sử dụng đất)	Các khoản vay đã quá hạn
(ii)	Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31600.20.257.1339407.T D ngày 03/7/2020	50.000.000	27.765.461	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tĩnh điện của khách hàng	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp	Các khoản vay đã quá hạn
(iii)	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 25673/21MB/HĐTD ký ngày 13/12/2021	10.000.000	7.858.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ, hiện tại đã quá hạn nên lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu	Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Các tài sản được quy định trong hợp đồng thế chấp	Các khoản vay đã quá hạn
(iv)	Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.1339407.T D ngày 03/7/2018	10.500.000	1.094.294.949	48 tháng	Lãi suất thả nổi	Phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay đã quá hạn
	Hợp đồng tín dụng số 27577.19.257.1339407.T D ngày 19/07/2019	2.471.000		48 tháng	Lãi suất thả nổi	Đầu tư thiết bị công trực và cần trục	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay vẫn trong thời hạn vay
	Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.1339407.T D ngày 11/09/2019	10.290.000		48 tháng	Lãi suất thả nổi	Phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty	Các tài sản hình thành từ vốn vay	Các khoản vay vẫn trong thời hạn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69 - 2**

Số 26 phố Tân Viên, Phường Thương Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.16** Vốn chủ sở hữu**4.16.1** Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Thặng dư vốn cổ phần VND		Quỹ đầu tư phát triển VND		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND		Cộng VND	
Tại ngày 01/01/2022	82.982.430.000	-	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(135.554.510)	106.070.680.222			
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	(34.559.684.006)	(34.559.684.006)			
Tại ngày 31/12/2022	82.982.430.000	-	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(34.695.238.516)	71.510.996.216			
Tại ngày 01/01/2023	82.982.430.000	-	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(34.695.238.516)	71.510.996.216			
(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	(44.662.889.588)	(44.662.889.588)			
Tại ngày 30/6/2023	82.982.430.000	-	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(79.358.128.104)	26.848.106.628			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**4.16. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Công nghiệp nặng Việt Hải	11.046.560.000	13,31%	11.046.560.000	13,31%
Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	14,34%	11.903.700.000	14,34%
Trần Xuân Trường	6.549.830.000	7,89%	6.549.830.000	7,89%
Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	8,42%	6.985.290.000	8,42%
Vũ Khắc Nhiệm	6.985.290.000	8,42%	6.985.290.000	8,42%
Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	6,26%	5.198.350.000	6,26%
Các cổ đông khác	34.313.410.000	41,35%	34.313.410.000	41,35%
<b>Cộng</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>100%</b>	<b>82.982.430.000</b>	<b>100%</b>

**4.16.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/6/2023 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**4.16.4 (Lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(44.662.889.588)	(5.756.138.865)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	8.298.243	8.298.243
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>(5.382)</b>	<b>(694)</b>

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu xây lắp	25.371.053.832	57.113.595.971
<b>Cộng</b>	<b>25.371.053.832</b>	<b>57.113.595.971</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn xây lắp	19.882.084.644	39.222.884.043
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
<b>Cộng</b>	<b>31.547.705.474</b>	<b>39.222.884.043</b>

**5.3 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	26.778.449.303	13.698.313.380
Lỗ chênh lệch tỷ giá	90.857.094	6.034.975
<b>Cộng</b>	<b>26.869.306.397</b>	<b>13.704.348.355</b>

**5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(44.662.889.588)</b>	<b>(5.756.138.865)</b>
<b>Điều chỉnh các khoản giảm (lỗ)</b>	<b>44.484.130.948</b>	-
Chi phí không được trừ	693.229.479	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại của khoản mục tiền và phải thu	82.398.294	-
Tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Tăng dự phòng phải thu khó đòi	5.264.433.042	-
Chi phí lãi vay không được trừ kỳ này (i)	26.778.449.303	-
<b>(Lỗ) sau điều chỉnh</b>	<b>(178.758.640)</b>	<b>(5.756.138.865)</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>(178.758.640)</b>	<b>(5.756.138.865)</b>
Thuế suất (%)	20%	20%
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	-	-
<b>CP thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	457.414.716	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>457.414.716</b>	-

(i) Các khoản chi phí lãi vay tạm thời không được trừ được phép chuyển vào các kỳ tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị quyết số 132/2020/NQ-CP ngày 17/11/2020.

**5.5 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.189.735.314	39.047.213.041
Chi phí nhân công	19.085.133.951	12.925.505.335
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	141.302.666	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.221.834.145	5.263.947.825
Thuế và các khoản lệ phí	1.206.490.700	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.960.672.195	16.995.577.875
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.665.620.830	-
Dự phòng phải thu khó đòi	5.264.433.042	-
Chi phí khác bằng tiền	766.211.334	1.395.314.111
<b>Cộng</b>	<b>54.501.434.177</b>	<b>75.627.558.187</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

**5.6 Chuyển lỗ**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong kỳ và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày	Chuyển lỗ trong kỳ	Không còn hiệu lực	Chưa sử dụng đến ngày
				01/01/2023			
			VND	VND	VND	VND	VND
2023	2028	Chưa QT	178.758.640	-	-	-	178.758.640
<b>Cộng lỗ tính thuế</b>			<b>178.758.640</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>178.758.640</b>

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo tờ khai thuế của Công ty. Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 178.758.640 VND được quyền chuyển sang kỳ sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty CP Đầu tư Công nghiệp nặng Việt Hải  
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông khác

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Vay**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ông Vũ Kế Chương		
Vay thêm	-	8.329.999.999
Trả gốc vay	2.692.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

		Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 <b>VND</b>	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 <b>VND</b>
Vũ Kế Chương	TGD kiêm Chủ tịch HĐQT	159.075.000	156.440.000
	Trợ lý Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát	163.605.000	110.232.200
Nguyễn Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	139.845.000	139.907.500
Nguyễn Giám Hiếu	Phó Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị	139.881.000	137.413.500
Lê Thị Minh			
Vũ Thị Ngà	Kế toán trưởng	124.800.000	-
Vũ Xuân Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị	123.909.000	113.299.400
Phùng Phương Linh	Trưởng ban Kiểm soát Phó Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng Quản trị	81.632.200	85.558.600
Trương Đức Thành	(đến tháng 12/2022)	-	140.327.196
Trần Thị Hương	Kế toán trưởng (đến ngày 05/12/2022)	-	159.645.500
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 17/5/2022)	-	71.734.000
<b>Tổng</b>		<b>932.747.200</b>	<b>1.114.557.896</b>

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đang đàm phán với các Ngân hàng được thuyết minh tại mục 4.14, để chuyển giao nghĩa vụ thu nợ của Ngân hàng sang cho DATC theo các văn bản số 328/MBN-B.MBN1 ngày 29/5/2023 và 405/MBN-B.MBN1 này 20/6/2023 về việc hợp tác xử lý nợ. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các bên vẫn đang trong quá trình đàm phán để chuyển giao nghĩa vụ nợ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để thông tin tài chính được trình bày phù hợp với số liệu kỳ này.



Vũ Kế Chương  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

Vũ Thị Nga  
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thúy  
Người lập5





### Công ty cổ phần Lilama 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
 Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng  
 Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562  
 Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 36 /CBTT-2023

Hải Phòng, ngày 08 tháng 01 năm 2023

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên công ty : Công ty cổ phần Lilama 69-2
- Mã chứng khoán : L62
- Địa chỉ : Số 26 , Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Điện thoại :0225.3525 195 Fax: 0225.3824 562
- Nội dung giải trình :

+ Lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 sau kiểm toán tại báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp thay đổi trên 10% so với lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2022 sau kiểm toán  
 + LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/giảm (%)
Lợi nhuận sau thuế của báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp	-44.662.889.588	-5.756.138.865	-676%

Nguyên nhân : Năm 2023 là thời gian Công ty gặp nhiều khó khăn, để duy trì hoạt động kinh doanh, công ty sử dụng chủ yếu nguồn vốn vay ngân hàng. Vì vậy chi phí tài chính vẫn cao, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, trong khi doanh thu giảm mạnh, dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 sau kiểm toán giảm so với 6 tháng đầu năm 2022 sau kiểm toán và bị lỗ.

**Trân trọng!**

- Nơi nhận:**
- Như kính gửi;
  - Lưu Phòng TCKT
  - Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2 *lma*



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*Vũ Kế Chương*



**Công ty cổ phần Lilama 69-2**

Tụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng  
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562  
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 35 /CBTT-2023

Hải Phòng, ngày 03 tháng 05 năm 2023

V/v Giải trình chênh lệch số liệu trên  
BCTC năm 2023 trước và sau  
kiểm toán

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên công ty : Công ty cổ phần Lilama 69-2
2. Mã chứng khoán : L62
3. Địa chỉ : Số 26 , Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại : 0225.3525 195 Fax: 0225.3824 562
5. Nội dung giải trình :

Thực hiện CBTT định kỳ của tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty CP Lilama 69-2 (Mã chứng khoán: L62) giải trình về chênh lệch Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp bán niên năm 2023 do công ty lập và đơn vị kiểm toán lập cho kỳ kế toán kết thúc vào 30/06/2023.

- Công ty kiểm toán đã trích lập thêm khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là: **3.690.048.331 đồng.**

- Công ty kiểm toán đã trích lập thêm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: **11.665.620.830 đồng.**

- Công ty kiểm toán đã loại trừ khoản thuế GTGT được khấu trừ là **1.852.821.278 đồng.**

- Công ty kiểm toán hạch toán tăng giá vốn bán hàng là **10.767.869.074 đồng**, tăng chi phí quản lý doanh nghiệp là **3.690.048.331 đồng** dẫn đến LNST sau kiểm toán là **-44.662.889.588 đồng.**

Trên đây là giải trình về chênh lệch tại Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán bán niên năm 2023.

**Trân trọng!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu Phòng TCKT
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2** *h*  
**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
LILAMA 69-2**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
**Vũ Kế Chương**